

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 107/2025/DSST

Ngày: 09/6/2025

V/v tranh chấp: “Hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Tân Dân

2. Ông Lê Thành Thanh Tiến

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Phú Đông;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, không tham gia phiên tòa.**

Ngày 09 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 303/2024/TLST-DS, ngày 31 tháng 12 năm 2024, về việc tranh chấp: “Hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2025/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2025/QĐST-DS, ngày 26 tháng 5 năm 2025; giữa:

- **Nguyên đơn:**

1. Ông Trịnh Văn H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số HMLB, đường VDL, khu phố B, phường M, thành phố GC, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Võ Thị Hồng H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số Võ Thị Hồng H, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:**

+ Ông Võ Thanh P, sinh năm: 1971.

+ Bà Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1976.

Cùng địa thường trú: Ấp BHL, xã BN, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ tạm trú: Ấp PH, xã PT, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

(Ông H có mặt; bà H xin vắng mặt; ông P, bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn ông Trịnh Văn H và bà Võ Thị Hồng H trình bày:*

Ông H và bà H là chủ cửa hàng trang trí nội thất H Sang. Ngày 09/3/2015, ông H và bà H có bán cho ông P và bà N 01 tủ áo, 01 bàn ăn, 01 tủ đèn, 01 bộ salong, 01 bàn học sinh, 01 bàn ông địa, 01 bộ đi văng, khuôn bảo vệ cửa và tiền công thợ sơn với tổng số tiền là 389.980.000 đồng. Ông H và bà H có viết “Hóa đơn” với tổng số tiền ông P mua đồ là 389.980.000 đồng. Cùng ngày, ông P có đặt cọc 50.000.000 đồng và hẹn trả đủ tiền khi nhận đồ. Ngày 09/6/2015, ông P và bà N đã nhận đủ đồ nhưng không trả tiền như thỏa thuận. Sau đó, ông H và bà H nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng ông P, bà N cứ hẹn dần. Đến đầu năm 2023, ông P và bà N trả thêm được 100.000.000 đồng rồi ngưng. Lúc này, ông H và bà H có làm “Biên bản xác nhận công nợ” nhưng ghi lại ngày thỏa thuận mua bán là 09/3/2015, có nội dung ông P và bà N còn nợ ông H và bà H 239.980.000 đồng. Ông P và bà N có ký tên vào “Biên bản xác nhận công nợ” nói trên.

Ông H và bà H yêu cầu ông P và bà N cùng có nghĩa vụ trả số tiền mua đồ trang trí nội thất còn nợ là 239.980.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật. Ông H và bà H rút lại yêu cầu trả tiền lãi.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn ông Võ Thanh P trình bày:*

Đầu tháng 3/2015, ông P có đến cửa hàng H Sang để đặt mua đồ trang trí nội thất. Khi đó, ông P có đặt tiền cọc là 50.000.000 đồng. Ông P mua của ông H và bà H đồ trang trí nội thất với tổng số tiền là 389.980.000 đồng. Bà N không trực tiếp cùng ông P mua đồ của ông H, bà H. Số đồ nội thất ông P mua là để ông P và bà N cùng sử dụng. Do làm ăn thất bại nên đến đầu năm 2023 ông P chỉ trả thêm được 100.000.000 đồng thì ngưng đến nay. Ông P thống nhất còn nợ ông H, bà H 239.980.000 đồng và đồng ý trả cho ông H và bà H 239.980.000 đồng. Ông P không đồng ý việc ông H, bà H yêu cầu bà N cùng ông P trả tiền.

* Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bị đơn Nguyễn Thị Cẩm N, hợp lệ như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa,... Nhưng bà N không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng không đến dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, phạm vi khởi kiện

Ông H, bà H yêu cầu ông P và bà N trả tiền mua đồ trang trí nội thất còn nợ nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Nguyên đơn, bà Võ Thị Hồng H xin vắng mặt. Bị đơn, ông Võ Thanh P và bà Nguyễn Thị Cẩm N vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2, không có lý do. Hội đồng

xét xử áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vụ án vắng mặt bà H, ông P và bà N.

[2] Về nội dung khởi kiện

Ông H và bà H yêu cầu ông P và bà N trả số tiền mua đồ trang trí nội thất còn nợ là 239.980.000 đồng. Ông P trình bày có mua đồ trang trí nội thất của ông H, bà H và thống nhất còn nợ ông H và bà H 239.980.000 đồng. Ông P đồng ý trả 239.980.000 đồng cho ông H và bà H. Tuy nhiên, ông P cho rằng bà N không tham gia mua đồ trang trí nội thất nên không đồng ý để bà N cùng trả nợ. Xét thấy, tại “*Biên bản xác nhận công nợ*” ngày 09/3/2015, có chữ ký tên của ông P và bà N. Ông P cho rằng chữ ký “N” trong “*Biên bản xác nhận công nợ*” ngày 09/3/2015 là do ông P ký nhưng không có chứng cứ để chứng minh. Ngoài ra, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý số 491/TB-TLVA, ngày 31/12/2024 về việc ông H và bà H khởi kiện yêu cầu ông P và bà N cùng trả tiền mua đồ trang trí nội thất. Ông P và bà N là vợ chồng, sống chung nhà nên bà N biết rõ nội dung ông H và bà H khởi kiện, nhưng bà N không gửi văn bản cũng không đến Tòa án trình bày ý kiến đối với nội dung ông H và bà H khởi kiện là đồng nghĩa với việc bà N thống nhất nội dung khởi kiện của ông H và bà H. Mặt khác, tại biên bản hòa giải ngày 11/3/2025, ông P trình bày, ông P mua đồ trang trí nội thất của ông H và bà H là “... để trang trí nội thất cho căn nhà mà tôi và chị N cùng 02 con đang sinh sống...”. Do đó, bà N phải có trách nhiệm cùng với ông P trả tiền mua đồ trang trí nội thất cho ông H, bà H. Từ những căn cứ nêu trên, có cơ sở buộc bà N, ông P cùng có nghĩa vụ trả cho ông H, bà H số tiền mua đồ trang trí nội thất còn nợ là 239.980.000 đồng.

[2] Về yêu cầu trả tiền lãi do chậm trả tiền

Trong đơn khởi kiện, ông H và bà H yêu cầu ông P và bà N trả tiền lãi do chậm trả tiền với số tiền là 406.766.100 đồng. Tại Đơn xin rút yêu cầu tính tiền lãi ngày 09/6/2025, ông H và bà H không yêu cầu tính tiền lãi chậm trả. Đây là sự tự nguyện của ông H và bà H, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu tính lãi chậm trả của ông H, bà H.

[3] Về thời gian trả

Ông H và bà H yêu cầu ông P và bà N trả tiền mua đồ trang trí nội thất còn nợ là 239.980.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, các đương sự trình bày khi mua bán, hai bên thỏa thuận thời gian trả tiền là ngày 09/6/2015 (sau 03 tháng). Nhưng đến nay ông P, bà N chưa trả xong tiền là làm thiệt thòi cho quyền lợi của ông H, bà H. Do đó, buộc ông P, bà N có nghĩa vụ trả cho ông H, bà H số tiền mua đồ trang trí nội thất còn nợ là 239.980.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí

- Ông P, bà N có nghĩa vụ trả tiền cho ông H và bà H nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Yêu cầu của ông Trịnh Văn H và bà Võ Thị Hồng H được chấp nhận nên không nộp tiền áp phí dân sự sơ thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông H, bà H theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều luật áp dụng:

- Điều 430 và Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 5, khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn H và bà Võ Thị Hồng H.
- Buộc ông Võ Thanh P và bà Nguyễn Thị Cẩm N cùng có nghĩa vụ trả cho ông Trịnh Văn H và bà Võ Thị Hồng H số tiền mua đồ trang trí nội thất là 239.980.000 (*hai trăm ba mươi chín triệu chín trăm tám mươi nghìn*) đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

Đến hạn trả tiền, nếu ông Võ Thanh P và bà Nguyễn Thị Cẩm N không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu của nguyên đơn, đối với yêu cầu trả tiền lãi, số tiền 406.766.100 đồng.

- Về án phí:

+ Ông Võ Thanh P và bà Nguyễn Thị Cẩm N có nghĩa vụ nộp 11.999.000 (*mười một triệu chín trăm chín mươi chín nghìn*) đồng, án phí dân sự sơ thẩm.

+ Trả cho ông Trịnh Văn H và bà Võ Thị Hồng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.934.000 (*mười bốn triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn*) đồng, theo biên lai thu số 0001963 ngày 31/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng các đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được Bản án do Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND H. Tân Phú Đông;
- THA DS H. Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI